

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/KDTM-ST
Ngày: 21-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Cần;
2. Ông Nguyễn Văn Thảo.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2022/TLST-KDTM ngày 19 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P; địa chỉ: Số 20, Lô BT, khu dân cư Phú Hòa M, phường Phú H, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vương Đức Th, sinh năm 1986; địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ 1K, khu phố Th, phường A, thành phố A, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/6/2022).

Bị đơn: Công ty TNHH Phú M; địa chỉ: Khu phố Khánh L, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Chen Mao W; chức danh: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc; là người đại diện theo pháp luật.

Người phiên dịch: Bà Trần Cẩm V; chức vụ: Nhân viên của Công ty TNHH Phú M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Trong năm 2021 Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P (sau đây gọi tắt là Công ty Xương P) có bán cho Công ty TNHH Phú M (sau đây gọi tắt là Công ty Phú M) các loại hàng hóa là ván MDF các loại, việc mua bán giữa hai bên không ký hợp đồng mua bán hàng hóa, với tổng giá trị hàng hóa Công ty Xương P đã bán cho Công ty Phú M là 1.778.120.726 đồng (đã bao gồm 10% VAT). Tương ứng với giá trị hàng hóa như trên thì Công ty Xương P đã xuất và giao các hóa đơn giá trị gia tăng số 0000688 ngày 28/06/2021; số 0000865 ngày 30/10/2021; số 0000912 ngày 16/11/2021; số 0000943 ngày 27/11/2021 và số 0000050 ngày 28/12/2021 cho Công ty Phú M. Trong quá trình hợp tác kinh doanh hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn thanh toán là 02 tháng kể từ ngày xuất hóa đơn. Tuy nhiên, Công ty Phú M mới chỉ thanh toán được số tiền là 502.059.708 đồng và còn nợ lại số tiền là 1.276.061.018 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu không trăm sáu mươi một nghìn không trăm mười tám đồng). Đối với số tiền mua hàng còn nợ chưa thanh toán, Công ty Xương P đã rất nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu phía Công ty Phú M thực hiện việc thanh toán. Tuy nhiên, Công ty Phú M vẫn không thực hiện việc thanh toán số tiền còn nợ trên cho Công ty Xương P.

Vì vậy, Công ty Xương P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Phú M có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền là 1.354.067.518 đồng, trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc là 1.276.061.018 đồng và tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 01/8/2021 cho tới ngày 10/6/2022 với lãi suất 1%/tháng là 78.006.500 đồng và tiếp tục tính lãi đến khi Công ty Phú M trả hết nợ. Sau khi khởi kiện, đến ngày 23/6/2022 bị đơn Công ty Phú M có thanh toán thêm cho bên nguyên đơn Công ty Xương P số tiền 145.894.088 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám đồng).

Tại phiên tòa Công ty Xương P yêu cầu Công ty Phú M có nghĩa vụ trả cho Công ty Xương P tổng số tiền là: 1.202.283.683 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ hai triệu hai trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng), trong đó bao gồm: Tiền nợ gốc: 1.130.166.930 đồng; tiền lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 17/01/2022 đến ngày 21/9/2022 với lãi suất 0,8%/tháng là: 72.116.753 đồng, theo các hóa đơn cụ thể như sau:

- Đối với Hóa đơn số 0000912: Tính từ ngày 17/01/2022 đến ngày 21/9/2022 là: $928.381.619 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} 04 \text{ ngày} = 60.406.692 \text{ đồng}$;

- Đối với Hóa đơn 0000943: Tính từ ngày 28/01/2022 đến ngày 21/9/2022 là: $101.633.030 \text{ đồng} \times 0,8\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} 24 \text{ ngày} = 6.341.900 \text{ đồng}$;

- Đối với Hóa đơn 0000050: Tính từ ngày 01/3/2022 đến ngày 21/9/2022 là: $100.152.281 \text{ đồng} \times 0.8\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 5.368.161 \text{ đồng}$.

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 145.894.088 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám đồng).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Chen Mao W trình bày (bà Trần Cẩm V phiên dịch): Công ty TNHH Phú M có hợp tác làm ăn mua hàng hóa là ván MDF (ván ép) của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P (gọi tắt là Công ty Xương P) từ năm 2017. Hai bên có ký hợp đồng nguyên tắc nhưng thời gian không nhớ. Trong quá trình mua bán hai bên không làm hợp đồng, mỗi lần bên bị đơn muốn mua hàng thì làm đơn đặt hàng gửi qua cho Công ty Xương P, sau đó Công ty TNHH Xương P giao hàng. Công ty TNHH Phú M thừa nhận trong năm 2021, Công ty TNHH Phú M có mua hàng là ván MDF của nguyên đơn với tổng giá trị 1.778.120.726 đồng (Một tỷ bảy trăm bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng) theo các hóa đơn mà Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P đã xuất cụ thể: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000688 ngày 28/6/2021; số 0000865 ngày 30/10/2021; số 0000912 ngày 16/11/2021; số 0000943 ngày 27/11/2021 và số 0000050 ngày 28/12/2021. Sau khi nhận các hóa đơn bên bị đơn đã thanh toán cho bên nguyên đơn Công ty Xương P số tiền là 502.059.708 đồng và còn nợ lại số tiền là 1.276.061.018 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi sáu triệu không trăm sáu mươi một nghìn không trăm mười tám đồng). Tuy nhiên, do hàng hóa của nguyên đơn cung cấp không đạt chất lượng nên bị đơn sử dụng làm ra sản phẩm và xuất qua Mỹ bị phạt trả hàng hóa về gây thiệt hại lớn cho bị đơn. Bị đơn đã báo cho nguyên đơn biết để cùng nhau giải quyết nhưng bên nguyên đơn không hợp tác. Vừa qua, vào ngày 23/6/2022 thì bị đơn có thanh toán thêm cho bên nguyên đơn số tiền 145.894.088 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám đồng) hiện nay chỉ còn nợ số tiền 1.130.166.930 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi đồng). Tại phiên tòa, Công ty Xương P yêu cầu Công ty TNHH Phú M có nghĩa vụ trả cho Công ty Xương P tiền nợ gốc: 1.130.166.930 đồng; tiền lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 17/01/2022 đến ngày 21/9/2022 với lãi suất 0,8%/tháng đối với các Hóa đơn số 0000912 ngày 16/11/2021; số 0000943 ngày 27/11/2021 và số 0000050 ngày 28/12/2021 với số tiền lãi là 72.116.753 đồng (Bảy mươi hai triệu một trăm mười sáu nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng), bị đơn Công ty TNHH Phú M đồng ý nhưng phải cho thời gian để thanh toán. Việc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 145.894.088 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám đồng) Công ty TNHH Phú M không có ý kiến. Về án phí sơ thẩm bị đơn không đồng ý nộp, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P và Công ty TNHH Phú M đã thống nhất được số nợ gốc là 1.130.166.930 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi đồng) và tiền lãi suất chậm thanh toán 0,8%/tháng đối với các Hóa đơn số 0000912 ngày 16/11/2021; số 0000943 ngày 27/11/2021 và số 0000050 ngày 28/12/2021 với số tiền lãi là 72.116.753 đồng (Bảy mươi hai triệu một trăm mười sáu nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Việc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 145.894.088 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám đồng) đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ. Về án phí hai bên không thỏa thuận được đề nghị xem xét theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn có trụ sở tại phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Về nội dung vụ án

[2] Nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Phú M phải có trách nhiệm thanh toán số tiền còn nợ 1.130.166.930 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm ba mươi đồng); tiền lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 17/01/2022 đến ngày 21/9/2022 với lãi suất 0,8%/tháng đối với các Hóa đơn số 0000912 ngày 16/11/2021; số 0000943 ngày 27/11/2021 và số 0000050 ngày 28/12/2021 với số tiền lãi là 72.116.753 đồng (Bảy mươi hai triệu một trăm mười sáu nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng). Bị đơn Công ty TNHH Phú M thống nhất còn nợ Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P số tiền nợ gốc là 1.130.166.930 đồng theo các Hóa đơn số 0000912 ngày 16/11/2021; số 0000943 ngày 27/11/2021 và số 0000050 ngày 28/12/2021 và đồng ý thanh toán tiền lãi chậm thanh toán với số tiền 72.116.753 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn thừa nhận còn nợ số tiền

1.130.166.930 đồng, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn đồng ý thanh toán số tiền nợ gốc 1.130.166.930 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn.

[3] Đối với số tiền lãi chậm thanh toán tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 17/01/2022 đến ngày 21/9/2022 với lãi suất 0,8%/tháng đối với các Hóa đơn số 0000912 ngày 16/11/2021; số 0000943 ngày 27/11/2021 và số 0000050 ngày 28/12/2021 với số tiền lãi là 72.116.753 đồng (Bảy mươi hai triệu một trăm mười sáu nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng), bị đơn đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy theo xác minh của Tòa án, mức lãi suất trung bình cho vay ngắn hạn của 3 ngân hàng trên địa bàn thị xã U, tỉnh Bình Dương tại thời điểm xét xử là 10,6%/năm, tương đương 0,9%/tháng, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất là 0,8%/tháng là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn cho rằng hàng hóa nguyên đơn cung cấp không đạt chất lượng, bị đơn sử dụng làm ra sản phẩm và xuất qua Mỹ bị phạt trả hàng hóa về gây thiệt hại lớn cho bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Mặt khác, đối với vụ án bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 145.894.088 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 92, Điều 147, Điều 217, Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 11, 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P với bị đơn Công ty TNHH Phú M đối với số tiền 145.894.088 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn không trăm tám mươi tám đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH Phú M.

Buộc Công ty TNHH Phú M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P số tiền 1.202.283.683 đồng (Một tỷ hai trăm lẻ hai triệu hai trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng) trong đó nợ gốc là 1.130.166.930 đồng và lãi suất chậm thanh toán là 72.116.753 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH Phú M phải nộp số tiền 48.068.510 đồng (Bốn mươi tám triệu không trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm mười đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Xương P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 26.311.013 đồng (Hai mươi sáu triệu ba trăm mười một nghìn không trăm mười ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0006070 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 , 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự (Để thi hành;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Hạnh

